

PHỤC LỤC 01

**BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH SỐ LƯỢNG TUYẾN ĐƯỜNG, CHIỀU DÀI ĐỂ LÀM ĐƯỜNG GIAO
THÔNG NÔNG THÔN NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ BA ĐỘNG**

(Kèm theo Tờ trình số 49/TTr-UBND ngày 20/10/2025 của UBND xã Ba Động)

STT	Tên xã	Chiều dài (m)			Số lượng tuyến đường (tuyến)		
		Được duyệt tại các Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 05/8/2025; Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 18/06/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh,	Điều chỉnh	Tăng (+) giảm (-)	Được duyệt tại các Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 05/8/2025; Quyết định số 403/QĐ- UBND ngày 18/06/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh,	Điều chỉnh	Tăng (+) giảm (-)
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng cộng	2.113,0	2.136,5	23,5	31,0	41,0	10,0
1	Xã Ba Động	2.113,0	2.136,5	23,5	31,0	41,0	10,0

DANH MỤC ĐƯỢC PHÊ DUYỆT
KHỐI LƯỢNG XI MĂNG HỖ TRỢ CHO CÁC XÃ ĐỀ XÂY DỰNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG
(Kèm theo Tờ trình số 49/TTr-UBND ngày 20/10/2025 của UBND xã Ba Động)

Số TT	Tên tuyến đường, đoạn đường hỗ trợ xi măng năm 2025	Số tuyến đường GTNT-MN	Chiều dài (m)	Cấp đường thực hiện	Khối lượng xi măng (tấn)	Ghi chú
Xã Ba Động mới: 31 tuyến/ 2113m		31	2.113,0		267,5	
1,0	Xã Ba Liên: 08 tuyến/ 290,0m	8	290,0		23,20	
1.1	Tuyến từ đường QL24 đi nhà ông Hương B – ông Trỗi		55,0	D	4,40	Theo CV số 255/UBND ngày 31/10/2024 của UBND xã Ba Liên
1.2	Tuyến từ đường QL24 đi nhà ông Viêt – ông Cảnh		35,0	D	2,80	
1.3	Tuyến từ đường QL24 đi nhà ông Rết – bà Lê		25,0	D	2,00	
1.4	Tuyến từ đường QL24 đi nhà bà Nít – bà Đồi		30,0	D	2,40	
1.5	Tuyến từ đường QL24 đi nhà Bà Rồi – Bà Kha - Bà Khanh		60,0	D	4,80	
1.6	Tuyến từ đường Bê tông đi nhà ông Đem – nhà Bà Xuôi		25,0	D	2,00	
1.7	Tuyến từ đường Bê tông đi nhà ông Doi, nhà Bà Bốn		35,0	D	2,80	
1.8	Tuyến từ đường bê tông đi nhà ông Lâm – ông Thâm		25,0	D	2,00	
2,0	Xã Ba Động: 05 tuyến/ 945,0m	5	945,0		157,2	
2.1	Nối tiếp BTXM tuyến đường từ DT624 đi Nghĩa Địa thôn Suối Loa		205,0	B	32,23	Theo CV số 254/UBND ngày 28/10/2024 của UBND xã Ba Động
2.2	BTXM tuyến đường đi Nghĩa địa Hóc tinh thôn Hóc Kè		180,0	A	33,01	
2.3	BTXM tuyến đường đi xứ đồng Rộc quan II thuộc thôn Hóc Kè		90,0	B	14,15	
2.4	BTXM tuyến đường đi xứ đồng Lò gạch thuộc thôn Hóc Kè		150,0	A	27,51	
2.5	BTXM tuyến đường đi xứ đồng cây Quen thuộc thôn Trường An		320,0	B	50,30	
3,0	Xã Ba Thành: 18 tuyến/ 878,0m	18	878,0		87,1	
15.1	Tuyến đường Trục giao thông chính đi Đèo Lâm (Từ đường Bê Tông đến nhà ông Lô) thôn Làng Teng: dài 63 m, rộng 2,5m.		63,0	C	6,30	
15.2	Tuyến đường Trục giao thông chính đi Đèo Lâm (Từ đường Bê Tông đến nhà ông Thu) thôn Làng Teng: dài 49 m, rộng 3m.		49,0	C	4,90	
15.3	Tuyến đường Trục giao thông chính đi Đèo Lâm (Từ nhà bà Chân đến nhà ông Hối) thôn Làng Teng: dài 52m, rộng 2,5m.		52,0	C	5,20	
15.4	Tuyến đường Trục giao thông chính đi Đèo Lâm (Từ nhà ông Bút đến nhà ông Lâm) thôn Làng Teng: dài 108m, rộng 3m.		108,0	B	16,98	
15.5	Tuyến đường Trục giao thông chính đi Đèo Lâm (Từ nhà ông Hào đến nhà ông Miêu) thôn Làng Teng: dài 39m, rộng 2,5m.		39,0	C	3,90	
15.6	Tuyến đường Trục giao thông chính đi Đèo Lâm (Từ tập hóa Sỹ Hường đến nhà ông Mui) thôn Làng Teng: dài 25m, rộng 2m.		25,0	D	2,00	
15.7	Tuyến đường Trục giao thông chính đi Đèo Lâm (Từ nhà bà Á đến nhà bà Thiết) thôn Làng Teng: dài 24m, rộng 2m.		24,0	D	1,92	

15.8	Tuyến đường UBND xã đi Gò Rạch (Từ nhà ông Vong đến nhà ông Nhộc) thôn Làng Teng: dài 41m, rộng 2,5m.		41,0	C	4,10	Theo công văn số 299/UBND ngày 29/10/2024 của UBND xã Ba Thành
15.9	Tuyến đường từ QL24 đi UBND xã (Từ nhà ông Đá đến nhà ông Đen) thôn Làng Teng: dài 31m, rộng 2,5m.		31,0	C	3,10	
15.10	Tuyến đường Bê Tông Chính đi Mộ Lâm (Từ nhà ông Hề đến nhà ông Xanh) thôn Trường An: dài 35m, rộng 2m.		35,0	D	2,80	
15.11	Tuyến đường Bê Tông Chính đi Mộ Lâm (Từ nhà ông Sang đến suối Nước Loa) thôn Trường An: dài 96m, rộng 2,5m.		96,0	C	9,60	
15.12	Tuyến đường Bê Tông Chính đi Nhà văn hóa (Từ nhà ông Tít đến nhà ông Thành) thôn Trường An: dài 28m, rộng 2,5m.		28,0	C	2,80	
15.13	Tuyến đường BTXM từ Tuyến Suối Ôn đi Bể nước sạch (Từ nhà bà Rũ đến nhà ông Lộc) thôn Huy Ba 1: dài 38m, rộng 2m.		38,0	D	3,04	
15.14	Tuyến đường BTXM từ Tuyến Suối Ôn đi Bể nước sạch (Từ nhà ông Sơn đến nhà bà My) thôn Huy Ba 1: dài 61m, rộng 2m.		61,0	D	4,88	
15.15	Tuyến đường BTXM Suối Ôn đi nhà ông Sếp (Từ nhà bà Hường đến nhà ông Cường) thôn Huy Ba 1: dài 63m, rộng 2m.		63,0	D	5,04	
15.16	Tuyến đường BTXM Suối Ôn đi nhà ông Sếp (Từ nhà bà Hường đến nhà ông Cường) thôn Huy Ba 1: dài 63m, rộng 2m.		29,0	C	2,90	
15.17	Tuyến đường BTXM Suối Ôn đi nhà ông Sếp (Từ đường nhà ông De đến nhà ông Siêu) thôn Huy Ba 1: dài 38m, rộng 2m.		38,0	D	3,04	
15.18	Tuyến đường Hành Tín Tây đi Ba Chùa (từ đường Bê tông đến nhà ông Sơn) thôn Huy Ba 2: dài 58m, rộng 2m		58,0	D	4,64	
Tổng cộng						

- Ghi chú:**
- 1. Cấp đường thực hiện: A, B, C, D; trong đó:**
- Cấp A hoặc cấp B: áp dụng đối với đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện, đường trục thôn, bản, ấp và đường
 - Cấp C hoặc cấp D: áp dụng đối với đường ngõ, xóm và đường trục chính nội đồng.
- 2. Khối lượng xi măng:**
- Đường loại A (mặt đường rộng 3,5m; dày 18cm; Mác 250, đá 2x4): 183,4 tấn xi măng/1Km.
 - Đường loại B (mặt đường rộng 3,0m; dày 18cm; Mác 250, đá 2x4): 157,2 tấn xi măng/1Km.
 - Đường loại C (mặt đường rộng 2,5m; dày 16cm; Mác 200, đá 2x4): 100 tấn xi măng/1Km.
 - Đường loại D (mặt đường rộng 2,0m; dày 16cm; Mác 200, đá 2x4): 80 tấn xi măng/1Km.

DANH MỤC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG ĐƯỢC HỖ TRỢ XI MĂNG SAU ĐIỀU CHỈNH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ BA ĐỘNG NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số 49/TTr-UBND ngày 20/10/2025 của UBND xã Ba Động)

Số TT	Tên tuyến đường, đoạn đường hỗ trợ xi măng năm 2025	Số tuyến đường GTNT-MN	Chiều dài (m)	Cấp đường thực hiện	Khối lượng xi măng (tấn)	Ghi chú
Xã Ba Động : 41 tuyến/ 2.136,5 m		41	2.136,5		267,5	
1	Tuyến từ đường QL24 đi nhà ông Hương B – ông Trời		55,0	D	4,40	thôn Hương Chiên
2	Tuyến từ đường QL24 đi nhà ông Viêt – ông Cảnh		35,0	D	2,80	
3	Tuyến từ đường QL24 đi nhà ông Rết – bà Lê		25,0	D	2,00	
4	Tuyến từ đường QL24 đi nhà bà Nít – bà Đồi		30,0	D	2,40	
5	Tuyến từ đường QL24 đi nhà Bà Rỗi – Bà Kha - Bà Khanh		60,0	D	4,80	thôn Đá Chát
6	Tuyến từ đường Bê tông đi nhà ông Đem – nhà Bà Xuôi		25,0	D	2,00	
7	Tuyến từ đường Bê tông đi nhà ông Doi, nhà Bà Bốn		35,0	D	2,80	
8	BTXM tuyến đường đi Nghĩa địa Số 17 thôn Hóc Kè		180,0	A	33,01	thôn Hóc Kè
9	BTXM tuyến đường đi xứ đồng Rộc quan II thuộc thôn Hóc Kè		90,0	A	14,15	
10	BTXM tuyến đường đi xứ đồng ông Thổ đi Rộc Bầu thuộc thôn Hóc Kè		150,0	A	27,51	
11	BTXM Tuyến đường Quốc lộ 24 đi nhà ông Xuyên		25,0	D	2,00	
12	Tuyến từ ngã ba đi nhà ông Trần Hưng Đạo		60,0	B	9,43	Thôn Trường An
13	Tuyến từ thôn Huy Ba 1 đến nghĩa địa thôn Tân Long		150,0	B	27,66	Thôn Tân Long
14	Tuyến đường Trục giao thông chính đi Đèo Lâm (Từ đường Bê Tông đến nhà ông Lôm) thôn Làng Teng: dài 63 m, rộng 2,5m.		62,0	C	6,20	thôn Làng Teng
15	Tuyến đường Trục giao thông chính đi Đèo Lâm (Từ đường Bê Tông đến nhà ông Thu) thôn Làng Teng: dài 49 m, rộng 3m.		50,0	C	5,00	
16	Tuyến đường Trục giao thông chính đi Đèo Lâm (Từ nhà bà Chân đến nhà ông Hối) thôn Làng Teng: dài 52m, rộng 2,5m.		52,0	C	5,20	
17	Tuyến đường Trục giao thông chính đi Đèo Lâm (Từ nhà ông Bút đến nhà ông Lâm) thôn Làng Teng: dài 108m, rộng 3m.		137,0	B	21,54	
18	Tuyến đường Trục giao thông chính đi Đèo Lâm (Từ nhà ông Hào đến nhà ông Miêu) thôn Làng Teng: dài 39m, rộng 2,5m.		39,0	C	3,90	
19	Tuyến đường Trục giao thông chính đi Đèo Lâm (Từ tập hóa Sỹ Hường đến nhà ông Mui) thôn Làng Teng: dài 25m, rộng 2m.		25,0	D	2,00	
20	Tuyến đường Trục giao thông chính tổ Đèo Lâm (Từ nhà bà Á đến nhà bà Thiết) thôn Làng Teng: dài 24m, rộng 2m.		24,0	D	1,92	
21	Tuyến đường UBND xã đi Gò Rạch (Từ nhà ông Vong đến nhà ông Nhộc) thôn Làng Teng: dài 41m, rộng 2,5m.		41,0	C	4,10	
22	Tuyến đường từ QL24 đi UBND xã (Từ nhà ông Đá đến nhà ông Đền) thôn Làng Teng: dài 31m, rộng 2,5m.		31,0	C	3,10	
23	Tuyến đường BTXM từ nhà Ông Nếp đi nhà ông Xê (Thôn Làng Teng)		25,0	D	2,00	
24	Tuyến đường BTXM đi nhà ông Thường		25,0	D	2,00	

25	Tuyến đường Bê Tông Chính đi Mộ Lâm (Từ nhà ông Hề đến nhà ông Xanh) thôn Trường An: dài 35m, rộng 2m.		35,0	D	2,80	Thôn Trường An 2
26	Tuyến đường Bê Tông Chính đi Mộ Lâm (Từ nhà ông Sang đến lên dốc đường vào nhà ông Ni) thôn Trường An: dài 160m, rộng 3 m.		160,0	C	25,15	
27	Tuyến đường Bê Tông Chính đi Nhà văn hóa (Từ nhà ông Tít đến nhà ông Thành) thôn Trường An: dài 28m, rộng 2,5m.		30,0	B	4,72	
28	Tuyến đường Bê Tông Chính đi Mộ Lâm (Nối tiếp từ nhà ông Hạ đến nhà ông Bôi) thôn Trường An: dài 20m, rộng 2,5m.		20,0	C	2,00	
29	Tuyến đường Bê Tông Chính đi Nhà văn hóa (Từ nhà bà Vinh đến nhà bà Ngồng) thôn Trường An: dài 14m, rộng 2,5m.		15,0	C	1,50	
30	Tuyến đường BTXM đi tổ Hóc Kè (Từ nhà bà KLệu đến nhà ông Gầm) thôn Trường An: dài 23m, rộng 2,5m.		22,5	C	2,25	
31	Tuyến đường BTXM đi lên nhà văn hóa đến nhà ông Vế		40,0	C	4,00	
32	Tuyến đường BTXM đi nhà ông Thành đến nhà ông Đồi		28,0	C	2,80	
33	Tuyến đường Bê Tông Chính đi Mộ Lâm đến nhà ông Chiến thôn Trường An: dài 30m, rộng 2,5m.		30,0	C	3,00	
34	tuyến đường Từ nhà bà Đen đến nhà ông Dui		13,0	C	1,30	
35	Tuyến đường từ ngã ba đi nhà Ông Cảnh		15,0	C	1,50	
36	Tuyến đường BTXM từ Tuyến Suối Ổn đi Bể nước sạch (Từ nhà bà Rũ đến nhà ông Lộc) thôn Huy Ba 1: dài 38m, rộng 2m.		38,0	D	3,04	Thôn Huy Ba 1
37	Tuyến đường BTXM từ Tuyến Suối Ổn đi Bể nước sạch (Từ nhà ông Sơn đến nhà bà My) thôn Huy Ba 1: dài 61m, rộng 2m.		61,0	D	4,88	
38	Tuyến đường BTXM Suối Ổn đi nhà ông Sếp (Từ nhà bà Hường đến nhà ông Cường) thôn Huy Ba 1: dài 63m, rộng 2m.		63,0	D	5,04	
39	Tuyến đường BTXM Suối Ổn đi nhà ông Sếp (Từ đường Bê tông đến nhà ông Biều) thôn Huy Ba 1: dài 29m, rộng 2,5m.		39,0	C	3,90	
40	Tuyến đường BTXM Suối Ổn đi nhà ông Sếp (Từ đường nhà ông De đến nhà ông Siêu) thôn Huy Ba 1: dài 38m, rộng 2m.		38,0	D	3,04	
41	Tuyến đường Hành Tín Tây đi Ba Chùa (từ đường Bê tông đến nhà ông Sơn) thôn Huy Ba 2: dài 58m, rộng 2m		58,0	D	4,64	Thôn Huy Ba 2

Ghi chú:

1. Cấp đường thực hiện: A, B, C, D; trong đó:

- Cấp A hoặc cấp B: áp dụng đối với đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện, đường trục thôn, bản, ấp và đường
- Cấp C hoặc cấp D: áp dụng đối với đường ngõ, xóm và đường trục chính nội đồng.

2. Khối lượng xi măng:

- Đường loại A (mặt đường rộng 3,5m; dày 18cm; Mác 250, đá 2x4): 183,4 tấn xi măng/1Km.
- Đường loại B (mặt đường rộng 3,0m; dày 18cm; Mác 250, đá 2x4): 157,2 tấn xi măng/1Km.
- Đường loại C (mặt đường rộng 2,5m; dày 16cm; Mác 200, đá 2x4): 100 tấn xi măng/1Km.
- Đường loại D (mặt đường rộng 2,0m; dày 16cm; Mác 200, đá 2x4): 80 tấn xi măng/1Km.